

Số: 1583253

|                                                | Peugeot 3008 GT              | New Mazda CX-8 2.5 Signature AWD |
|------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>1.109.000.000đ</b>        | <b>1.149.000.000đ</b>            |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                              |                                  |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4510 x 1850 x 1662           | 4900 x 1840 x 1730               |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2730                         | 2930                             |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5200                         | 5800                             |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 165                          | 200                              |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1480                         | 1770                             |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1930                         | 2365                             |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 520                          | 209                              |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 53                           | 72                               |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                            | 7                                |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước             | SX-LR trong nước                 |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                              |                                  |
| Loại động cơ                                   | 1.6L Turbo High Pressure     | SkyActiv-G 2.5L                  |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1599                         | 2488                             |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 165 @ 6000                   | 188 / 6000                       |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 245 @ 1400-4000              | 252 / 4000                       |
| Hộp số                                         | 6AT                          | 6AT                              |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)              | Cầu trước (FWD)                  |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson           | Độc lập Mc Pherson               |
| Hệ thống treo sau                              | Bán độc lập                  | Liên kết đa điểm                 |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                          | Đĩa                              |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                          | Đĩa                              |
| Thông số lốp xe                                | 235/50 R19                   | 225/55 R19                       |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 10,81                        | 13.38                            |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6,6                          | 7.34                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8,13                         | 9.58                             |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport/Manual          | Normal - Sport - Offroad         |
| Chế độ địa hình                                | Normal/Snow/Mud/Sand/ESP Off |                                  |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                              |                                  |
| Cụm đèn trước                                  | LED Projector                | LED Projector                    |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                            | ●                                |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                            | ●                                |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                            | ●                                |
| Cụm đèn sau                                    | LED                          | LED                              |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                            | ●                                |
| Gạt mưa tự động                                | ●                            | ●                                |
| Cửa sổ trời                                    | ●                            | ●                                |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                              |                                  |
| Vô lăng bọc da                                 | ●(Phong cách GT)             | ●                                |
| Chất liệu ghế                                  | Da Claudia Habana            | Da Nappa Nâu Đỏ                  |
| Ghế người lái chỉnh điện                       | ●                            | ●                                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện           | ●                            | ●                                |

|                                    |              |               |
|------------------------------------|--------------|---------------|
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi   | ●            |               |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●            | ●             |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | Digital 12.3 |               |
| Màn hình giải trí trung tâm        | AVN 10       | 8"            |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●            | ● (Không dây) |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●            | ●             |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2            | 3             |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●            | ●             |
| Chìa khóa thông minh               | ●            | ●             |
| Khởi động nút bấm                  | ●            | ●             |
| Hệ thống âm thanh                  | 10 loa       | 10 loa Bose   |
| Lấy chuyển số                      | ●            |               |
| Sạc không dây Qi                   | ●            |               |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●            | ●             |
| Đèn trang trí nội thất             | ●            |               |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●            | ●             |

**AN TOÀN:**

|                                         |             |                |
|-----------------------------------------|-------------|----------------|
| Số túi khí                              | 6           | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●           | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●           | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●           | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●           | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●           | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●           | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau | Trước/Sau      |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù               | ●           | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường           | ●           | ●              |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●           | ●              |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●           |                |
| Camera lùi                              | ●           | ● (Camera 360) |